

Bản án số: 08/2021/DS-ST

Ngày 08-02-2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

## **NHÂN DANH**

### **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

#### **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thân Trọng Khôi

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông: Nguyễn Quang Vinh

Ông: Dương Thanh Bình

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Bà Hà Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 08/02/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-DS ngày 11/01/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2021/QĐST-DS ngày 29/01/2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP V. Trụ sở: Số 89 đường L, phường L, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Do ông Nguyễn Văn Đ; ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Ngọc H – Cán bộ xử lý nợ đại diện theo ủy quyền. Địa chỉ: Tầng 2B-R6 Khu đô thị Royal city, số 72 N, Thanh Xuân, Hà Nội (ông H có mặt).

**- Bị đơn:** Bà Đỗ Thị V, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Ông Đặng Công V1, sinh năm 1963 (vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt);

Đều cư trú: Thôn K, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn Ngân hàng TMCP V. Do ông Nguyễn Ngọc H đại diện theo ủy quyền trình bày:* Theo các hợp đồng tín dụng ký kết với Ngân hàng TMCP V; bà Đỗ Thị V, ông Đặng Công V1 vay của Ngân hàng tổng số tiền là 622.000.000đ, mục đích vay tiêu dùng, mua sắm vật dụng trong gia đình.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là: Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thửa 331, tờ bản đồ số 92, địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, số phát hành sổ BR 392449, vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00333 do UBND huyện Lạng Giang cấp ngày 17/12/2013.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà V, ông V1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng TMCP V từ ngày 01/11/2018. Tạm tính đến ngày 09/6/2020 bà V, ông V1 còn nợ Ngân

hàng TMCP V; nợ gốc 489.342.643đ, nợ lãi 105.038.441đ, tổng cộng cả gốc và lãi là 594.380.882đ. Ngân hàng TMCP V đã nhiều lần yêu cầu bà V, ông V1 thanh toán trả toàn bộ khoản nợ trên, nhưng bà V, ông V1 không thực hiện.

Vì vậy Ngân hàng TMCP V yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà V, ông V1 phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 09/6/2020 là 594.380.882đ và toàn bộ lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 10/6/2020 đến khi trả hết tiền. Nếu bà V, ông V1 trả không đầy đủ, đề nghị phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2388/2016 ngày 09/11/2016 để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V.

**\* Bị đơn bà Đỗ Thị V, ông Đặng Công V1 trình bày:** Vợ chồng ông, bà có vay tiền Ngân hàng TMCP V; hiện còn nợ số tiền gốc và lãi suất như Ngân hàng TMCP V trình bày là đúng. Vì điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên ông bà xin được trả dần; đồng ý tiếp tục thế chấp tài sản để đảm bảo việc trả nợ.

Tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng thương mại cổ phần V do ông Nguyễn Ngọc H đại diện theo ủy quyền có mặt, giữ nguyên yêu cầu trên và trình bày thêm; yêu cầu vợ chồng bà V, ông V1 phải trả tiền nợ gốc và lãi suất, tính đến hết ngày 08/02/2021 là 488.133.332đ tiền gốc; 193.071.999đ tiền lãi. Tổng cộng cả tiền gốc, tiền lãi suất là 679.769.739đ. Bị đơn, bà V, ông V1 đều vắng mặt.

**\* Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:** Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng thương mại cổ phần V do ông Nguyễn Ngọc H đại diện theo ủy quyền có mặt; bị đơn bà V, ông V1 đều vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ 2. Hướng đề xuất: Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Đề nghị Áp dụng: Điều 26; 35; 147; 228; 235; 264; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 357; 463; 466; 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 8; 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng. Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao. Điều 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V. Buộc vợ chồng bà Đỗ Thị V và ông Đặng Công V1 phải có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền gốc và tiền lãi suất tạm tính đến hết ngày 08/02/2021 là 488.133.332đ tiền gốc; 193.071.999đ tiền lãi. Tổng cộng cả tiền gốc, tiền lãi suất là 679.769.739đ (Sáu trăm bảy chín triệu bảy trăm sáu chín nghìn bảy trăm ba chín đồng) và tiền lãi suất phát sinh tiếp theo kể từ ngày 09/02/2021, theo Hợp đồng tín dụng số 10185697 ngày 09/11/2016; Giấy vay tiêu dùng ngày 11/11/2016; Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 10/11/2016 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ của các hợp đồng. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi xuất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi xuất mà người phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi xuất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp vợ chồng bà Đỗ Thị V và ông Đặng Công V1 không trả được hoặc trả không hết số tiền nợ theo hợp đồng và Giấy vay tiền nêu trên, thì Ngân hàng thương

mại cổ phần V có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2388/2016 ngày 09/11/2016 để thu hồi nợ. Ngoài ra còn đề nghị xử lý tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, tiền án phí và quyền kháng cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn Ngân hàng TMCP V. Trụ sở: Số 89 đường L, phường L, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Do ông Nguyễn Văn Đ; ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Ngọc H – Cán bộ xử lý nợ đại diện theo ủy quyền. Địa chỉ: Tầng 2B-R6 Khu đô thị Royal city, số 72 N, Thanh Xuân, Hà Nội; khởi kiện đòi tiền đối với bị đơn, bà Đỗ Thị V, sinh năm 1973; ông Đặng Công V1, sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Nội dung: Tại Hợp đồng tín dụng số 10185697 ngày 09/11/2016, Ngân hàng TMCP V có cho bà V, ông V1 vay 525.000.000đ, mục đích vay tiền để tiêu dùng, khi vay có thể chấp bất động sản, thời hạn vay 120 tháng, lãi suất theo thỏa thuận. Tại Giấy vay tiêu dùng ngày 11/11/2016, Ngân hàng TMCP V có cho bà V, ông V1 vay 87.000.000đ, mục đích vay tiền để tiêu dùng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất theo thỏa thuận. Tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 10/11/2016 Ngân hàng TMCP V có cho bà V, ông V1 vay 10.000.000đ. Nay Ngân hàng yêu cầu bà V, ông V1 phải thanh toán trả Ngân hàng toàn bộ tiền gốc và lãi xuất theo thỏa thuận và đề nghị xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Như vậy đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản, phạm vi khởi kiện đòi tiền gốc và lãi suất theo hợp đồng, xử lý tài sản bảo đảm, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

[2] Về nội dung: Tại Hợp đồng tín dụng số 10185697 ngày 09/11/2016, Ngân hàng TMCP V có cho bà V, ông V1 vay 525.000.000đ, mục đích vay tiền để tiêu dùng, khi vay có thể chấp bất động sản, thời hạn vay 120 tháng, lãi suất theo thỏa thuận. Tại Giấy vay tiêu dùng ngày 11/11/2016, Ngân hàng TMCP V có cho bà V, ông V1 vay 87.000.000đ, mục đích vay tiền để tiêu dùng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất theo thỏa thuận. Tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 10/11/2016 Ngân hàng TMCP V có cho bà V, ông V1 vay 10.000.000đ.

Tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ tín dụng của bà V, ông V1 là: Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất cùng toàn bộ các quyền và lợi ích phát sinh từ hoặc có liên quan tới thửa đất số 331, tờ bản đồ số 92, diện tích 765,2m<sup>2</sup> được UBND huyện Lạng Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BR 392449, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 00333 ngày 17/12/2013, địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang mang tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là ông Đặng Công V1 và bà Đỗ Thị V. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2388/2016 ngày 09/11/2016, số công chứng 2388/2016, quyền số: 11/TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 09/11/2016 tại Văn phòng công chứng Xương Giang.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà V, ông V1 đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong Hợp đồng. Nay Ngân hàng TMCP V đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Đỗ Thị V, ông Đặng Công V1 phải thanh toán trả Ngân hàng TMCP V tiền nợ gốc, lãi suất tính đến hết ngày 08/02/2021 là 488.133.332đ tiền gốc; 193.071.999đ tiền lãi. Tổng cộng cả tiền gốc, tiền lãi suất là 679.769.739đ và tiền lãi suất phát sinh tiếp theo kể từ ngày 09/02/2021, theo Hợp đồng tín dụng số 10185697 ngày 09/11/2016 và Giấy vay tiêu dùng ngày 11/11/2016 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 10/11/2016 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ của các hợp đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần V đề nghị, nếu bà V, ông V1 không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng thương mại cổ phần V được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2388/2016 ngày 09/11/2016, số công chứng 2388/2016, quyền số: 11/TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 09/11/2016 tại Văn phòng công chứng Xương Giang để thu hồi nợ.

Phía bà V, ông V1 cũng đồng ý trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi suất cho Ngân hàng TMCP V, nhưng vì kinh tế gia đình khó khăn nên ông, bà xin trả dần.

HĐXX xét thấy, để phát sinh vụ kiện là do vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bà V, ông V1 gây nên. Do vậy cần buộc vợ chồng bà V, ông V1 phải có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền gốc và tiền lãi suất tạm tính đến hết ngày 08/02/2021 là 488.133.332đ tiền gốc; 193.071.999đ tiền lãi. Tổng cộng cả tiền gốc, tiền lãi suất là 679.769.739đ và tiền lãi suất phát sinh tiếp theo kể từ ngày 09/02/2021, theo Hợp đồng tín dụng số 10185697 ngày 09/11/2016; Giấy vay tiêu dùng ngày 11/11/2016; Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 10/11/2016 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ của các hợp đồng.

Về tài sản bảo đảm: Việc thế chấp tài sản để đảm bảo cho việc vay vốn đã được các bên thực hiện theo đúng trình tự thủ tục đăng ký thế chấp; do vậy trường hợp bà Đỗ Thị V và ông Đặng Công V1 không trả được hoặc trả không hết số tiền nợ theo hợp đồng và Giấy vay tiền nêu trên, thì Ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2388/2016 ngày 09/11/2016, số công chứng 2388/2016, quyền số: 11/TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 09/11/2016 tại Văn phòng công chứng Xương Giang để thu hồi nợ.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng thương mại cổ phần V đã nộp 5.000.000đ để chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ; Hội đồng xem xét, thẩm định tại chỗ đã chi phí hết; nay bà V, ông V1 là người thua kiện; nên bà V, ông V1 phải thanh toán trả Ngân hàng thương mại cổ phần V 5.000.000đ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[4] Về án phí: Bà V, ông V1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu Toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng TMCP V không phải chịu tiền án phí, hoàn trả Ngân hàng TMCP V tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

\* Áp dụng: Điều 26; 35; 147; 228; 235; 264; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 357; 463; 466; 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 8; 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng. Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao. Điều 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V. Buộc vợ chồng bà Đỗ Thị V và ông Đặng Công V1 phải có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền gốc và tiền lãi suất tạm tính đến hết ngày 08/02/2021 là 488.133.332đ tiền gốc; 193.071.999đ tiền lãi. Tổng cộng cả tiền gốc, tiền lãi suất là 679.769.739đ (Sáu trăm bảy chín triệu bảy trăm sáu chín nghìn bảy trăm ba chín đồng) và tiền lãi suất phát sinh tiếp theo kể từ ngày 09/02/2021, theo Hợp đồng tín dụng số 10185697 ngày 09/11/2016; Giấy vay tiêu dùng ngày 11/11/2016; Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 10/11/2016 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ của các hợp đồng. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà người phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp vợ chồng bà Đỗ Thị V và ông Đặng Công V1 không trả được hoặc trả không hết số tiền nợ theo hợp đồng và Giấy vay tiền nêu trên, thì Ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2388/2016 ngày 09/11/2016 để thu hồi nợ.

Bà Đỗ Thị V, ông Đặng Công V1 phải hoàn trả Ngân hàng TMCP V 5.000.000đ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

2/ Về án phí: Bà Đỗ Thị V, ông Đặng Công V phải chịu 31.191.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần V 13.887.500đ tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số AA/2019/0002696 ngày 26/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án.

Án xử sơ thẩm công khai./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Lạng Giang
- Chi cục THA huyện Lạng Giang
- Các đương sự
- Lưu

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Thân Trọng Khôi**

